

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/DS-PT

Ngày 09 - 5 - 2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng chuyển
đổi quyền sử dụng ruộng đất nông
nghiệp và tiền hỗ trợ, bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Thuỷ và ông Trần Văn San.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lập - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý phúc thẩm số 03/2025/TLPT-DS ngày 22/01/2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp và tiền hỗ trợ, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2025/QĐXXPT-DS ngày 17/ 3/2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 10/2025/QĐPT-DS ngày 17/4/2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hà Nam;

* *Bị đơn:* Ông Lê Hồng L (tên gọi khác Lê Văn L1), sinh năm 1948; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hà Nam.

*. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Nam; Địa chỉ: Số G, đường T, thị trấn Q (nay là phường Q), huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hà Nam; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành T1, Chức vụ: Chủ tịch; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hùng S - Chức vụ: Phó Chủ tịch.

2. Ủy ban nhân dân xã K, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hà Nam; Địa chỉ trụ sở: Thôn Đ, xã K, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hà Nam; Người đại diện

theo pháp luật: Ông Lê Thành G, Chức vụ: Chủ tịch UBND xã K.

3. Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã K, tỉnh Hà Nam; Địa chỉ trụ sở: Số I N, thị trấn Q (nay là phường Q), huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hà Nam; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Bá N, Chức vụ: Giám đốc Trung tâm.

4. Bà Bùi Thị N1, sinh năm 1965.

5. Anh Lê Văn K, sinh năm 1986.

6. Chị Lê Thị H, sinh năm 1988.

7. Chị Lê Thị Y, sinh năm 1991.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N1, anh K, chị H và chị Y: Ông Lê Văn T, sinh năm 1959 (Giấy ủy quyền ngày 12/7/2024).

8. Bà Dương Thị N2, sinh năm 1948.

9. Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1975 (chết năm 2023); Người đại diện hợp pháp: (1) Ông Lê Hồng L, sinh năm 1948; (2) bà Dương Thị N2, sinh năm 1948; (3) chị Vũ Thị H1, sinh năm 1978; (4) anh Lê Huỳnh Đ1, sinh năm 2001, (5) anh Lê Trung H2, sinh năm 2005.

10. Anh Lê Văn K1, sinh năm 1980.

11. Anh Lê Văn K2, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hà Nam.

12. Anh Lê Văn K3, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Tổ D, thị trấn B, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N2, anh K1, anh K2, anh K3, chị H1, anh Đ1 và anh H2: Ông Lê Hồng L, sinh năm 1948 (Giấy ủy quyền ngày 29/7/2024).

** Người làm chứng:*

1. Ông Bùi Văn T2, sinh năm 1954;

2. Ông Đỗ Văn K4, sinh năm 1950;

3. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1941;

4. Bà Lê Thị H3, sinh năm 1950;

Đều cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hà Nam.

Trong vụ án, Người kháng cáo là bị đơn (Ông Lê Hồng L).

Phiên toà có mặt ông T, ông L, bà N2, anh Đ1; những người còn lại đều vắng mặt (ông T2, bà D, bà H3 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản ý kiến và diễn biến tại phiên toà sơ và phúc

thâm:

Nguyên đơn là ông Lê Văn T trình bày: Năm 1994, gia đình ông có 05 khẩu được chia ruộng đất nông nghiệp gồm: Ông Lê Văn T, bà Bùi Thị N1, anh Lê Văn K, chị Lê Thị H và chị Lê Thị Y với tổng diện tích sử dụng là 3.678m² (gồm đất ở, đất vườn và đất nông nghiệp). Trong đó có thửa số 11, tờ bản đồ 5, diện tích 525m², mục đích sử dụng: Đất 2 lúa, thời hạn sử dụng: Tháng 12/2000, ở xứ đồng Lỗ Đ xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam. Ngày 15/4/1994, được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Văn T. Năm 1997, gia đình ông cần diện tích đất nông nghiệp tại Đ để làm VAC nên vợ chồng ông và vợ chồng ông L thỏa thuận đổi diện tích 360m² đất nông nghiệp ở xứ đồng Lỗ Đ của gia đình ông lấy 540m² đất nông nghiệp ở xứ Đồng Cỏ của hộ ông Lê Hồng L. Khi đổi hai bên không lập văn bản, giấy gì nhưng có báo cho ông Đỗ Văn K4 là xóm trưởng xóm A (nay là thôn Đ), xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam. Việc đổi từ 360m² lấy 540m² có sự chênh lệch 180m² vì đất nông nghiệp ở L là đất loại 1, đất nông nghiệp ở Đ là đất loại 3, khó canh tác nên gia đình ông và gia đình ông L đổi ngang bằng nhau. Việc đổi ruộng các con của hai bên gia đình không có ý kiến gì.

Tại thời điểm đổi ruộng thì ruộng của hai bên đều sử dụng vào mục đích trồng lúa, không có tài sản, hoa màu trên đất. Sau khi đổi ruộng cho gia đình ông L, gia đình ông sử dụng 540m² đất nông nghiệp ở Đ và đóng nghĩa vụ đầy đủ. Gia đình ông L sử dụng 360m² đất nông nghiệp ở L, đóng thuế sử dụng đất nông nghiệp 360m² ở L của gia đình ông. Sau khi đổi ruộng cho hộ ông L và các hộ khác, toàn bộ diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông dồn về khu vực Đ. Được sự đồng ý của các cơ quan chức năng, gia đình ông đã đào ao, thả cá phát triển kinh tế VAC ở khu Đ. Cụ thể là khoảng tháng 4 năm 1997 giữa UBND xã K và ông đã ký hợp đồng kinh tế giao đất làm trang trại mô hình VAC và lập biên bản giao đất làm trang trại khu vực Đ cho gia đình ông với diện tích đất được giao là 2,6 mẫu. Còn phần diện tích đất nông nghiệp gia đình ông L đổi của gia đình ông ở L, ông L chỉ sử dụng vào việc trồng lúa.

Năm 2001, thực hiện chủ trương dồn đổi ruộng đất từ ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn, gia đình ông L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 360m² ở L của gia đình ông. Còn đổi 2,6 mẫu ở Đ (trong đó có 540m² gia đình ông đổi của gia đình ông L) qua các lần dồn đổi năm 2001, 2013 vẫn được giữ ổn định, không tham gia dồn đổi nên gia đình ông chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nông nghiệp ở Đ. Từ khi đổi ruộng của hộ ông L để làm kinh tế VAC đến trước khi Nhà nước có chính sách thu hồi đất ở khu vực Đ để xây dựng khu du lịch T thì gia đình ông, gia đình ông L không có ý kiến hay phản đối về việc đổi ruộng năm 1997, không ai có ý kiến về việc gia đình ông làm VAC cũng không ai có ý kiến về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp.

Năm 2017, Nhà nước có chủ trương thu hồi đất ở khu vực Đ để xây dựng

và phát triển khu D. Năm 2018, UBND huyện K ra Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 09/3/2018 về việc thu hồi đất của hộ ông Lê Hồng L ảnh hưởng bởi hạng mục san lấp Trung tâm đón tiếp nghỉ dưỡng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu D tại địa phận xã K huyện K. Theo quyết định này, gia đình ông L bị thu hồi 540m² đất lúa tại thửa đất số 77, tờ bản đồ 6 với tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 89.100.000 đồng. Nhưng thực tế hộ ông L không còn ruộng ở Đ vì năm 1997 đã đổi hết cho gia đình ông, gia đình ông đã sử dụng ổn định, đóng thuế đầy đủ từ năm 1997 nên gia đình ông được đền bù mới đúng. Đến nay ông được biết gia đình ông L đã nhận số tiền bồi thường là 89.100.000 đồng tương đương với 540m² đất nông nghiệp, còn gia đình ông chưa được nhận bồi thường, còn toàn bộ ruộng đất nông nghiệp của gia đình ông tại Đ đã bị thu hồi để phát triển xây dựng khu du lịch T.

Đối với Đơn đề nghị trả lại ruộng đất nông nghiệp đề ngày 20/11/1997 có chữ ký người làm đơn “Nhuệ” và chữ ký đại diện gia đình “Luật” có xác nhận của trưởng xóm “Đỗ Văn K4” ông không biết ai là người viết đơn này, chữ ký người làm đơn “Nhuệ” và chữ ký đại diện gia đình “Luật” có xác nhận của trưởng xóm “Đỗ Văn K4” có phải là chữ ký của bà N2, ông L và ông K4 hay không. Đơn này sau khi giữa ông và ông L xảy ra tranh chấp ông mới thu thập được và nộp cho Tòa án, còn trước đó ông không biết có đơn này. Ông không yêu cầu Tòa án phải giám định chữ ký và chữ viết trong đơn này.

Ông khởi kiện, yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa hộ ông và hộ ông L; công nhận diện tích đất 540m² mà hộ ông đổi của hộ ông L thuộc quyền sử dụng của gia đình ông và gia đình ông phải được nhận toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ giá trị đất đai, cây trồng vật nuôi và các chính sách hỗ trợ, tổng cộng là 89.100.000 đồng. Do ông L đang quản lý số tiền này nên ông yêu cầu ông L phải trả lại cho ông số tiền 89.100.000 đồng.

* Tại bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, ông Lê Hồng L là bị đơn, trình bày: Năm 1994, gia đình ông có 06 khẩu được giao chia ruộng đất nông nghiệp gồm: Ông là Lê Hồng L (Lê Văn L1), bà Dương Thị N2, anh Lê Văn Đ, anh Lê Văn K1, anh Lê Văn K2 và anh Lê Văn K3, tổng diện tích sử dụng là 4.055m² bao gồm đất vườn và đất nông nghiệp. Trong đó có thửa số 77, tờ bản đồ 6, diện tích 540m², mục đích sử dụng: Đất 2 lúa, thời hạn sử dụng: Tháng 12/2000 ở xứ đồng Đ thuộc xã K, huyện K. Ngày 15/4/1994, được UBND Kim Bảng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Lê Văn L1.

Sau khi được giao chia đất nông nghiệp, gia đình ông sử dụng diện tích này đúng mục đích, ổn định từ năm 1994 đến năm 1997 khi Nhà nước có chính sách làm kinh tế VAC, trong đó xã K có đất nông nghiệp ở xứ Đ được phép chuyển dịch để làm kinh tế VAC thì ông Lê Văn T đến nhà ông báo với vợ ông là bà Dương Thị N2 đổi 1,5 sào (540m²) ở Đ của gia đình ông đổi lấy 1 sào

(360m²) ở L của gia đình ông T để ông T làm VAC. Nhưng thực tế khi ông tự đo đạc lại thì gia đình ông chỉ nhận được 0,9 sào (324m²). Việc đổi ruộng này có vợ ông và ông T nói miệng với nhau. Vợ, con ông T có biết hay không thì ông không biết. Các con ông còn nhỏ cũng không biết. Việc đổi nêu trên có sự chênh lệch về diện tích đổi (0,6 sào) là do lúc đó ông T bảo vợ ông cứ sử dụng ruộng ở L của nhà ông T, khi nào ông T gom đủ ruộng trả ruộng cho gia đình ông thì làm giấy tờ sau nhưng ông T không trả phần ruộng chênh lệch cho gia đình ông.

Sau khi đổi ruộng cho gia đình ông T, gia đình ông sử dụng, đóng thuế sử dụng đất nông nghiệp 0,9 sào đất nông nghiệp ở L của gia đình ông T; gia đình ông T sử dụng, đóng thuế sử dụng đất nông nghiệp 1,5 sào đất nông nghiệp ở Đ của gia đình ông. Năm 2001, Nhà nước có chính sách dồn điền đổi thửa thì gia đình ông không còn sử dụng 0,9 sào của gia đình ông T nữa, còn gia đình ông T vẫn sử dụng 1,5 sào ở Đ của gia đình ông làm kinh tế VAC. Đối với 0,9 sào ở L của gia đình ông do ai sử dụng, ai được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông không biết, còn 1,5 sào ở Đ vẫn trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông năm 1994. Ngày 19/10/2001, gia đình ông được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 3.597m² đất nông nghiệp.

Năm 2013, Nhà nước thực hiện chủ trương dồn đổi ruộng, gia đình ông được tham gia dồn đổi theo quy định. Tổng diện tích gia đình ông được giao chia năm 2013 là bao nhiêu m² thì ông không nhớ vì lúc đó các con ông đã ở riêng nên ông đã chia cho các con gồm anh Lê Văn Đ, anh Lê Văn K3 và anh Lê Văn K1 mỗi người một thửa và mỗi người được cấp một chứng nhận quyền sử dụng đất riêng, cụ thể cánh đồng, diện tích, ngày tháng được cấp ông không biết vì ông không giữ Giấy chứng nhận. Ông có yêu cầu các con đưa cho ông để nộp cho Tòa án nhưng các con ông đều không biết để ở đâu nên không giao nộp được. Còn vợ chồng ông và anh Lê Văn K2 được cấp chung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 156867 ngày 31/5/2019 thửa đất số 529, tờ bản đồ PL11; địa chỉ: N, xóm A, xã K, huyện K, diện tích 245m² đất lúa, thời hạn sử dụng 31/12/2063.

Đơn đề nghị trả lại ruộng đất nông nghiệp đề ngày 20/11/1997 có chữ ký người làm đơn “Nhuệ” và chữ ký đại diện gia đình “Luật” có xác nhận của trưởng xóm “Đỗ Văn K4” không phải do ông hay bà N2 viết, chữ ký “Luật” không phải do ông ký, chữ ký “Nhuệ” không phải do bà N2 ký. Ông không biết ai viết và giả chữ ký của vợ chồng ông. Ông không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký, chữ viết trong đơn này.

Năm 2018, Nhà nước có chủ trương thu hồi đất ở khu vực Đ để xây dựng và phát triển khu D. Hộ ông có 540m² đất nông nghiệp khu vực Đ bị thu hồi. Đây là diện tích đất nông nghiệp mà năm 1997, bà N2 vợ ông đổi cho ông T để làm VAC. Theo Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 09/3/2018 của UBND huyện K về việc thu hồi đất của hộ ông Lê Hồng L ảnh hưởng bởi hạng mục san

lắp Trung tâm đón tiếp nghỉ dưỡng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu D tỉnh Hà Nam tại địa phận xã K huyện K thì gia đình ông bị thu hồi 540m² đất lúa tại thửa đất số 77, tờ bản đồ 6 với tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 89.100.000 đồng. Ngày 31/5/2024, ông đại diện gia đình đã nhận toàn bộ số tiền 89.100.000 đồng tại Trung tâm phát triển quỹ đất (PTQĐ) huyện K. Việc UBND huyện K quyết định bồi thường hỗ trợ cho gia đình ông số tiền 89.100.000 đồng là đúng quy định nhưng sau đó lại thông báo cho ông đề nộp lại số tiền 89.100.000 đồng, ông không đồng ý và cũng không nhất trí đối với yêu cầu khởi kiện của ông T.

* Đại diện UBND huyện (nay là thị xã K) trình bày: Ngày 09/02/2023 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện (Trung tâm PTQĐ) đã ban hành Thông báo số 04/TB-UBND về việc chi trả tiền tại dự án: Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật hạng mục san lấp Trung tâm nghỉ dưỡng thuộc dự án đầu tư xây dựng khu D tại xã K, huyện K đối với trang trại của ông Lê Văn T. Ngày 23/3/2023 có biên bản làm việc đối với hộ ông Lê Hồng L, Dương Thị N2 và ông Lê Văn T kết quả các bên đã thừa nhận việc đổi ruộng không có giấy tờ nhưng không nhất trí để cùng nhận tiền theo phương án đã phê duyệt. Ông L có đơn ngày 23/12/2023 đề nghị chi trả toàn bộ số tiền theo phương án phê duyệt là 89.100.000 đồng và không thực hiện theo nội dung đã làm việc trước đó giữa các bên và tiếp tục đề nghị UBND huyện, Trung tâm PTQĐ trả tiền. Ngày 06/4/2023, Trung tâm PTQĐ có văn bản số 78/CV-PTQĐ trả lời đề nghị của ông Lê Văn T về việc tạm dừng chi trả do các bên có tranh chấp, phía ông Lê Văn T đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Phía ông L có đơn khởi kiện hành chính, được Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý số 17/2023/TLDT-DS ngày 18/12/2013 về việc “Khiếu nại hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng”. Theo phương án bồi thường hỗ trợ đã được phê duyệt đối với các hộ có đủ giấy tờ về đất, có tên trong hồ sơ địa chính và được giao đất theo quy định Luật đất đai tại thời điểm xây dựng phương án, Trung tâm PTQĐ đã chi cho ông L 89.100.000 đồng theo phương án đã phê duyệt. Sau khi Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng có Thông báo số 15/2024/TLST-DS, ngày 30/7/2024 Trung tâm PTQĐ có thông báo số 200/TB-PTQĐ yêu cầu ông L nộp lại số tiền đã nhận theo phương án về Trung tâm PTQĐ trước ngày 15/8/2024 để gửi vào tài khoản tạm giữ theo quy định làm cơ sở thực hiện khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Nếu quá thời hạn ông L không nộp số tiền nêu trên về Trung tâm PTQĐ thì ông L phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Trung tâm PTQĐ huyện K trình bày: Ngày 31/5/2024, Trung tâm đã chi trả 89.100.000 đồng cho ông Lê Hồng L là đúng theo thủ tục hành chính. Sau khi Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng có Thông báo thụ lý vụ án số

15/2024/TLST-DS ngày 27/6/2024, Trung tâm PTQĐ đã có thông báo số 200/TB-PTQĐ ngày 30/7/2024 yêu cầu ông L nộp lại số tiền đã nhận theo phương án về Trung tâm trước ngày 15/8/2024 để gửi vào tài khoản tạm giữ theo quy định làm cơ sở thực hiện khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Nếu quá thời hạn ông L không nộp số tiền nêu trên về Trung tâm thì ông L phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đến nay, ông L chưa giao nộp lại 89.100.000 đồng cho Trung tâm, mặc dù khi chi trả tiền cho hộ ông L ngày 31/5/2024 ông L, bà N2 có bản cam kết nội dung: “Trường hợp sau khi nhận tiền mà có bản án của Tòa án các cấp có hiệu lực pháp luật, chúng tôi không được hưởng toàn bộ hoặc chỉ được hưởng một phần tiền theo phương án bồi thường, hỗ trợ đã phê duyệt thì các thành viên gia đình chúng tôi cam kết sẽ chấp hành thi hành bản án theo phán quyết của Tòa và đều có trách nhiệm chung trong việc thực hiện bản án có hiệu lực pháp luật”. Do vậy, ông L phải có trách nhiệm thực hiện theo bản án có hiệu lực pháp luật.

* Đại diện UBND xã K, huyện K (nay là thị xã K) trình bày: Theo hồ sơ địa chính, diện tích đất nông nghiệp của hộ ông Lê Hồng L qua các năm cụ thể năm 1994 diện tích 3.815m² (trong đó có 540m² đất ở xứ đồng Đồng Cỏ thuộc thửa đất số 77, tờ bản đồ số 6), năm 2001 diện tích 3.597m² (giảm 218m² so với diện tích năm 1994), năm 2013 thực hiện dồn đổi ruộng đất hộ ông L góp đất làm giao thông thủy lợi 43m², diện tích còn lại tham gia dồn đổi ruộng đất là 3.555m². Đến năm 2017 hộ ông L bị thu hồi 324m² để giải phóng mặt bằng (GPMB) dự án đấu giá quyền sử dụng đất. Diện tích đất nông nghiệp còn lại hộ ông L và các con (Lê Văn Đ, Lê Văn K3, Lê Văn K1) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp sau dồn đổi 3.231m² (cấp năm 2019). Thực hiện Thông báo số 46/TB-UBND ngày 04/9/2015 của UBND huyện K về việc thu hồi đất để thực hiện GPMB phục vụ dự án khu trung tâm đón tiếp nghỉ dưỡng (đợt 7) thuộc dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu du lịch T, UBND xã phối hợp với Trung tâm PTQĐ và chủ trang trại phân loại xác định nguồn gốc sử dụng đất của từng trang trại để lên phương án đền bù, hỗ trợ về đất.

Năm 2001, năm 2013 thực hiện chủ trương dồn đổi ruộng đất, theo phương án dồn đổi ruộng đất nông nghiệp của xã K đối với diện tích ruộng giao chia theo 115, 990; UBND xã đã giao cho các hộ sử dụng theo mô hình sản xuất đa canh trên vùng đất trũng mô hình VAC, trong đó khu vực Đ vẫn giữ ổn định, không tham gia dồn đổi. Diện tích đất 540 m² đất ở xứ Đồng Cỏ của hộ ông L vẫn nằm trong trang trại ông T. Gia đình ông T sử dụng diện tích đất Đồng Cỏ của ông L từ khi nhận chuyển quyền cho đến khi Nhà nước thu hồi đất phục vụ công tác GPMB. Qua lưu trữ hồ sơ về công tác giải quyết đơn thư của UBND xã từ năm 2013 trở về trước không thấy đơn của hộ ông L đề nghị UBND xã giải quyết tranh chấp về diện tích đất xứ Đồng Cỏ trong trang trại ông Lê Văn T. Việc UBND huyện K ban hành quyết định thu hồi đất của ông L ảnh hưởng bởi

dự án hạng mục san lấp khu Trung tâm đón tiếp nghỉ dưỡng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng, kỹ thuật khu D tại địa phận xã K là đúng thẩm quyền, quy định của pháp luật. Việc ai được nhận số tiền bồi thường đất đai và các chính sách hỗ trợ đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị N1, anh Lê Văn K, chị Lê Thị H và chị Lê Thị Y ủy quyền cho ông Lê Văn T như ông T trình bày ở trên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị N2, anh Lê Văn Đ, anh Lê Văn K1, anh Lê Văn K2, anh Lê Văn K3, chị Vũ Thị H1, anh Lê Huỳnh Đ1 và anh Lê Trung H2 ủy quyền cho ông Lê Hồng L như ông L trình bày ở trên.

** Người làm chứng:*

- Ông Bùi Văn T2 trình bày: Ông là xóm trưởng xóm A, thôn Đ, xã K, huyện K từ năm 2000 đến năm 2015. Vào năm 1997, 1998, khu vực Đ, xã K được phép làm kinh tế theo mô hình VAC thì có nhiều hộ ở xóm A, xã K đổi ruộng cho nhau để dồn đổi về khu vực Đ, trong đó có hộ ông T và hộ ông L. Thời điểm đó ông Đỗ Văn K4 làm trưởng xóm A. Từ năm 2000 ông làm trưởng xóm A (nay là thôn Đ), trong thời gian là trưởng xóm ông được biết trước đó hộ ông T có đổi 360m² đất nông nghiệp ở xứ đồng Lỗ Đề lấy 540m² đất nông nghiệp ở xứ Đồng Cỏ của hộ ông L. Cụ thể việc đổi ruộng của hai hộ như thế nào, có lập văn bản giấy tờ gì hay không ông không nắm được. Ông chỉ biết thực tế, hộ ông T sử dụng 540m² đất nông nghiệp ở xứ Đ của hộ ông L. Hộ ông L sử dụng 360m² đất nông nghiệp ở xứ đồng Lỗ Đề của hộ ông T. Việc sử dụng ruộng này của hai bên không ai khiếu nại thắc mắc gì. Đối với thuế đất nông nghiệp thì các hộ được miễn, chỉ phải nộp các dịch vụ như cày bừa, thủy nông cho xã. Hộ ông T nộp sản phẩm ở Đ đối với 1,5 sào còn hộ ông L nộp sản phẩm ở Lỗ Đề đối với 1 sào đổi của hộ ông T chứ không phải là 0,9 sào.

Năm 2001, thực hiện chủ trương của UBND tỉnh về việc dồn ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn thì diện tích 360m² đất nông nghiệp ở xứ đồng L mà hộ ông L đổi cho hộ ông T được dồn vào diện tích đất nông nghiệp của hộ ông L và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ ông Lê Văn L1 năm 2001. Đến năm 2013, thực hiện chủ trương của UBND tỉnh về việc dồn đổi ruộng manh mún thành ô thửa lớn, hộ ông L1 vẫn được dồn đổi về Lỗ Đề (hộ ông L1 gấp phiếu được dồn toàn bộ về L) trong đó có diện tích đất 360m² đổi của hộ ông T vẫn nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông L1.

- Ông Đỗ Văn K4 trình bày: Ông là xóm trưởng xóm A, thôn Đ, xã K từ

năm 1988 đến cuối năm 1997. Vào năm 1997, khu vực Đ, xã K được phép làm kinh tế theo mô hình VAC thì hộ ông T và hộ ông L1 có đổi ruộng cho nhau. Cụ thể việc đổi ruộng giữa hai hộ như thế nào thì do lâu ngày ông không nhớ. Cuối năm 1997 ông không làm trưởng xóm A, thôn Đ nên ông không biết việc sử dụng đất của hộ ông T, ông L1 như thế nào, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa.

Đối với Đơn đề nghị trả lại ruộng đất nông nghiệp đề ngày 20/11/1997: Nội dung đơn đề nghị, chữ viết là do ông viết và lập nên đơn này trên cơ sở tạo điều kiện cho hộ ông T được phát triển kinh tế. Sau khi viết đơn, ông đưa lại cho ông T, ông T lấy chữ ký của đại diện gia đình và chữ ký của người làm đơn rồi đưa lại cho ông và ông xác nhận của xóm A. Nội dung xác nhận của xóm 13 là chữ viết và chữ ký của ông. Ông không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông. Đối với chữ ký “Luật” đại diện gia đình, chữ ký “Nhuệ” người làm đơn ông không biết là ai ký, ai viết. Ông không có ý kiến gì về chữ ký này. Nay xảy ra tranh chấp giữa hộ ông T và hộ ông L1, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bà Lê Thị H3 trình bày: Bà là chị gái của ông T, em gái của ông L1. Năm 1994, bà được Nhà nước chia đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn tại địa phương. Ngày 15/4/1994, bà được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 644m² đất nông nghiệp (trong đó có thửa số 11, tờ bản đồ 5, diện tích 216m² đất hai lúa, thời hạn sử dụng tháng 12/2000 ở L). Sau khi được giao ruộng đất nông nghiệp, do làm ăn xa nên bà cho ông T toàn quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bà được chia. Bà có nghe ông T nói đã đổi ruộng của bà với các hộ khác để về làm VAC ở Đ. Cụ thể đổi cho những ai, đổi như thế nào bà không biết. Ruộng bà đã cho ông T thì ông T có toàn quyền sử dụng. sử dụng như thế nào, đổi cho ai bà đều không có ý kiến, khiếu nại gì. Nay xảy ra tranh chấp giữa hộ ông T và hộ ông L1, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bà Phạm Thị D trình bày: Vào năm 1997, bà và ông T có thỏa thuận miệng, không lập văn bản giấy tờ gì đổi 540m² ở Đ của gia đình bà lấy 165m² đất nông nghiệp ở L của ông T và 216m² ở L của bà H3. Năm 2001, theo chủ trương dồn đổi ruộng đất của Nhà nước thì diện tích đất ở L, bà đổi của ông T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà. Còn diện tích đất ở Đ của gia đình bà đổi cho ông T chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T. Gia đình bà đổi ruộng ở L của hộ ông T thì cũng thấy hộ ông L1 là anh trai ông T cũng sử dụng ở Lỗ Đề liền kề ruộng gia đình bà. Còn cụ thể ông L1 sử dụng 0,9 sào hay 1 sào là bà không biết. Nay xảy ra tranh chấp giữa hộ ông T và hộ ông L1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 13/12/2024 của Tòa án

nhân dân huyện Kim Bảng (Nay là Toà án nhân dân thị xã Kim Bảng) đã quyết định: Căn cứ tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 3, Điều 74 Luật đất đai năm 1993; Các Điều 101, 102, 103, 116, 117; 500; 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 74, Điều 83, Điều 167, Điều 190 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc công nhận hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa hộ ông Lê Văn T và hộ ông Lê Hồng L (Lê Văn L1) năm 1997.

Công nhận hộ ông Lê Văn T được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 540m², thửa đất số 77 tờ bản đồ số 06 tại Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam và được nhận tiền đền bù, hỗ trợ thu hồi đất là 89.100.000 đồng. Buộc hộ ông Lê Hồng L (Lê Văn L1) phải trả lại cho hộ ông Lê Văn T số tiền 89.100.000 đồng tiền đền bù, hỗ trợ thu hồi đất.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự.

Trong thời hạn luật định, bị đơn là ông Lê Hồng L có đơn kháng cáo đề ngày 19/12/2024 đối với bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử đúng pháp luật vụ án.

Tại phiên toà, bị đơn giữ nguyên kháng cáo như đã nêu trên. Giữa các đương sự không nhất trí tự thoả thuận, hoà giải về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên toà, bị đơn trình bày căn cứ của việc kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm với lý do: Việc đổi đất chỉ là sự thoả thuận giữa ông T và vợ ông là bà Dương Thị N2, ông và các con ông không biết; diện tích đất của hộ ông mà vợ ông đổi cho ông T vẫn nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông cấp năm 1994; khi Nhà nước có dự án thu hồi đã lập danh sách và ông được triệu tập lên (chứ không phải ông T) nhận tiền bồi thường và Trung tâm PTQĐ huyện đã chi cho ông 89.100.000 đồng theo phương án đã phê duyệt là đúng quy định. Ông đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật.

Ý kiến của nguyên đơn nhất trí nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử phúc thẩm vụ án; nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn (ông Lê Hồng L), giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 13/12/2024 của Toà án nhân dân huyện Kim Bảng (Nay là Toà án nhân dân thị xã Kim Bảng). Ông Lê Hồng L là người cao tuổi, được miễn án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nghe Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Đơn kháng cáo của ông Lê Hồng L đảm bảo thời hạn, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

1.2. Về việc vắng mặt đương sự: Phiên toà vắng mặt Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Đại diện UBND thị xã K, UBND xã K, Trung tâm PTQĐ thị xã K, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng) không kháng cáo, đều vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị của đương sự có mặt, đại diện Viện kiểm sát đồng thời xét những người trên đã có lời trình bày trong hồ sơ, cấp phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn là ông Lê Hồng L, thấy rằng:

Về việc chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của đương sự: Ông T và ông L đều thừa nhận việc đổi đất (không lập văn bản, chỉ thoả thuận miệng) được thực hiện từ năm 1997 giữa hai hộ là có thật, trên cơ sở tự nguyện, xuất phát từ nhu cầu sử dụng canh tác của các bên và chủ trương của Nhà nước. Sau khi đổi ruộng cho nhau, thực tế hai hộ đã bàn giao đất cho nhau trên thực địa và sử dụng ổn định, trong thời gian tương đối dài (từ năm 1997 đến năm 2018 khi Nhà nước thu hồi đất) diện tích đất chuyển đổi (hộ ông L sử dụng đất đổi canh tác nông nghiệp; ông T phát triển kinh tế VAC ở khu Đ, cụ thể: đào ao, thả cá, trồng cây cối, hoa màu, công trình khác trên đất; năm 1997 ông T ký hợp đồng kinh tế giao đất làm trang trại, mô hình VAC với UBND xã K, sau mỗi lần thanh lý đều ký lại hợp đồng và có biên bản giao đất; ngày 20/01/2008, ông T thế chấp quyền sử dụng diện tích đất được giao tại hợp đồng giao đất làm mô hình VAC cho Ngân hàng N3 chi nhánh huyện K để vay vốn), H4 hộ thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, không ai có ý kiến hoặc tranh chấp gì.

Đối với Đơn đề nghị trả lại ruộng đất nông nghiệp đề ngày 20/11/1997 có chữ ký người làm đơn “Nhuệ” và chữ ký đại diện gia đình “Luật” có xác nhận của trưởng xóm “Đỗ Văn K4” mặc dù ông L, bà N2 khẳng định chữ ký, chữ viết không phải của ông bà; ông K4 cũng không biết ai ký tên Luật, N2; tuy nhiên các bên thống nhất không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết.

Đối với số tiền bồi thường khi thu hồi đất: Năm 2001 thực hiện chủ

trương đồn đổi ruộng đất từ ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn, gia đình ông L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 360m² ở L của gia đình, còn 2,6 mẫu ở Đ (trong đó có 540m² gia đình ông T đổi của gia đình ông L qua các lần đồn đổi năm 2001, 2013 vẫn được giữ ổn định, không tham gia đồn đổi nên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Vì vậy khi thực hiện phương án thu hồi đất để thực hiện GPMB phục vụ dự án khu D, UBND xã phối hợp với Trung tâm PTQĐ huyện xây dựng phương án bồi thường công nhận ông L (đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có phần đất đã đổi cho ông T) để được nhận tiền đền bù, hỗ trợ thu hồi đất là 89.100.000 đồng đối với diện tích 540m² đất bị thu hồi tại thửa số 77. Do phần đất được bồi thường đã đổi cho ông T nên Trung tâm PTQĐ đã có thông báo số 200/TB-PTQĐ ngày 30/7/2024 yêu cầu ông L nộp lại số tiền đã nhận theo phương án về Trung tâm trước ngày 15/8/2024 để gửi vào tài khoản tạm giữ theo quy định nhưng đến nay ông L chưa nộp lại 89.100.000 đồng. Toà án cấp sơ thẩm công nhận hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa hộ ông T và hộ ông L; xác định ông Lê Văn T được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đối với diện tích đất 540m², thửa đất số 77, tờ bản đồ 06 tại Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam. Buộc hộ ông Lê Hồng L phải trả lại cho hộ ông Lê Văn T số tiền 89.100.000 đồng tiền đền bù, hỗ trợ thu hồi đất là có cơ sở và phù hợp pháp luật.

Do đó, kháng cáo của bị đơn (ông L) không được cấp phúc thẩm chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Lê Hồng L là người cao tuổi và có đề nghị nên ông được miễn án phí theo quy định.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Lê Hồng L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 13/12/2024 của Toà án nhân dân huyện Kim Bảng (Nay là Toà án nhân dân thị xã Kim Bảng), tỉnh Hà Nam.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 3, Điều 74 Luật đất đai năm 1993; Các Điều 101, 102, 103, 116, 117, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 74, Điều 83, Điều 167, Điều 190 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc công nhận hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa hộ ông Lê Văn T và hộ ông Lê Hồng L (Lê Văn L1) năm 1997.

Công nhận hộ ông Lê Văn T được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 540m², thửa đất số 77 tờ bản đồ số 06 tại Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam và

được nhận tiền đền bù, hỗ trợ thu hồi đất là 89.100.000 đồng.

Buộc hộ ông Lê Hồng L (Lê Văn L1) phải trả lại cho hộ ông Lê Văn T số tiền 89.100.000 đồng tiền đền bù, hỗ trợ thu hồi đất

2. Án phí dân sự: Ông L1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Viện KSND tỉnh Hà Nam;
- TAND thị xã Kim Bảng;
- VKSND thị xã Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng

HỎI TẠI PHIÊN TOÀ PHÚC THẨM

1/ ÔNG LUẬT:

1/ H: Ông trình bày tóm tắt nội dung kháng cáo?

2/H: Ông cho biết bằng chứng nào ông cho là ông T sử dụng là giả để đòi lại tiền dự án của ông?